TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11-7-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Chi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Tím

Bà Ngô Thị Oanh Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 tham gia phiên tòa: Ông Trầm Văn Mừng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025 và Thông báo số 79/TB-TA, ngày 19 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thạch Thị N, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp B, xã L, tỉnh Vĩnh Long)

- Bị đơn: Ông Kim Ú, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp B, xã L, tỉnh Vĩnh Long)

- Người phiên dịch: Ông Thạch D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thạch Thị N trình bày:

Vào năm 1997 được sự mai mối của người thân bà và ông Kim Ú tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương, đến năm 2017 vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã L). Thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Kim Chăm R, sinh năm 1998 và Kim Tuấn Đ, sinh năm 2012. Cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Kim Ú không hạnh phúc, vì các con nên bà luôn cố gắng nhường nhịn chỉ mong ông Ú thay đổi để các con có được gia đình trọn vẹn, nhưng ông Ú không thay đổi ông Ú không tôn trọng bà, không quan tâm chăm sóc vợ con, mỗi lần đi nhậu về ông Ú chửi bới, xúc phạm danh dự nhân phẩm và đánh đập bà rất nhiều lần. Nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đến nay bà không chịu đựng được tính cách ông Ú và không thể chung sống cùng ông Ú được.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Kim Ú; về con chung Kim Chăm R, sinh năm 1998 hiện trưởng thành có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết. Cháu Kim Tuấn Đ, sinh năm 2012 hiện sống cùng bà, nên bà yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Đ và không yêu cầu ông Ú cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung có một căn nhà cấp 4 gắn liền đất hiện bà và con đang ở, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Bị đơn ông Kim Ú trình bày: Ông thống nhất với phần trình bày của bà Thạch Thị N về quan hệ hôn nhân, con chung, về tài sản chung và nợ chung như bà N trình bày là đúng. Ông Ú thừa nhận khi nhậu về có lời qua tiếng lại, cũng có lần đánh bà N được mọi người xung quanh can ngăn, nhưng ông hứa sẽ sửa đổi, do còn thương vợ và con nên ông yêu cầu được hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông không đồng ý ly hôn với bà N. Về tài sản chung và nợ chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Thạch Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Kim Ú, về con chung bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kim Tuấn Đ và không yêu cầu ông Ú cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Qua tranh tụng tại phiên tòa bị đơn Kim Út thay đổi ý kiến, đồng ý ly hôn với bà N, về con chung theo nguyện vọng của con và không ai phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung ông Ú không yêu cầu giải quyết.

- *Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:*

+ Về tuân theo pháp luật về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên

đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Năm 1997, bà N và ông Ú tự nguyện và được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới, đến ngày 14/8/2017 đến UBND xã T (nay là xã L, tỉnh Vĩnh Long) đăng ký kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau lễ cưới vợ chồng sống bên nhà ông Ú được hai năm thì chuyển về bên bà N sống, quá trình chung sống có 02 con chung Kim Chăm R, sinh ngày 24/11/1998 và Kim Tuấn Đ, sinh ngày 27/4/2012, do mai mối nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông Ú không tôn trọng, không quan tâm chăm sóc vợ con, mỗi lần ăn nhậu ông Ú chửi bới, xúc phạm danh dự nhân phẩm và đánh đập bà rất nhiều lần được các nhận chứng biết chuyện vợ chồng mâu thuẫn cự cải đánh nhau, hiện nay bà N không cho ông Ú về sống trong gia đình. Sau khi thụ lý Thẩm phán triệu tập bà N, ông Ú đến hòa giải động viên hàn gắn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn của chị N và anh Ú thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên hôm nay bà N yêu cầu được ly hôn với ông Ú; Con chung cháu Kim C Rơne sinh ngày 24/11/1998 hiện nay đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết. Cháu Kim Tuấn Đ sinh ngày 27/4/2012 hiện sống cùng bà nên bà N yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Đ và không yêu cầu ông Ú cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết và ông Kim Ú thống nhất thuận tình ly hôn, con chung Kim Tuấn Đ thống nhất giao cho bà N nuôi dưỡng, ông Ú không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 246 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Thạch Thị N và ông Kim Ú. Về con chung: Giao cháu Kim Tuấn Đ cho bà N nuôi dưỡng là phụ hợp với nguyện vọng của cháu Đ, bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện bà Thạch Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, yêu cầu nuôi con chung, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Bị đơn ông Kim Ú có nơi cư trú tại ấp B, xã T (nay là xã L, tỉnh Vĩnh Long). Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà N và ông Ú xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã L) vào ngày 14/8/2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp được công nhận là vợ chồng.

Theo bà N trình bày hôn nhân giữa bà và ông Ú không hạnh phúc, cả hai bên phát sinh mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, nhưng vì các con nên bà chịu đựng để xây dựng gia đình trọn vẹn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Kim Ú không tôn trọng bà, ông Ú hay chửi bới và còn đánh đập bà nhiều lần được mọi người xung quanh can ngăn thì ông Ú mới ngừng. Qúa trình giải quyết vụ án, mặc dù ông Ú cho rằng còn thương vợ con, không muốn ly hôn nhưng tại phiên tòa ông Ú không đưa ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, sự việc mâu thuẫn này ông Ú cũng thừa nhận vợ chồng có lời qua tiếng lại, cũng nhiều lần vợ chồng đánh nhau dẫn đến việc ông phải đến nhà người em ở tạm, hiện nay ông và bà N đã không còn sống chung và không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Qua xác minh những người sống cùng tại địa phương và người thân của bà N, ông Ú, nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông Ú đã xung đột kéo dài, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N xác nhận đã không còn tình cảm và không thể sống cùng ông Ú được. Tại phiên tòa ông Ú thay đổi ý kiến đồng ý ly hôn với bà N, căn cứ quy định Điều 55, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Thạch Thị N và ông Kim Ú.

[3] Về con chung: Bà N và ông Ú có 02 người con chung tên Kim Chăm R, sinh năm 1998 hiện đã trưởng thành và có gia đình riêng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Kim Tuấn Đ, sinh năm 2012, sau khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Ú cấp dưỡng nuôi con, cháu Đ có nguyên vọng được sống cùng bà N, nên cần giao cháu Đ cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông Ú không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu bằng 300.000 đồng (Ba trăm ngìn đồng).

Từ nhận định và phân tích trên, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị N và chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27 tháng 6 năm 2025 về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị N.

1. Về hôn nhân: Bà Thạch Thị N và ông Kim Ú thống nhất thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 người con chung tên Kim Chăm R, sinh năm 1998 đã trưởng thành, bà N và ông Ú không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết. Cháu Kim Tuấn Đ, sinh năm 2012 giao cho bà Thạch Thị N tiếp tục nuôi dưỡng và ông Kim Ú không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của bên không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Thạch Thị N và ông Kim Ú không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bằng 300.000 đồng *(Ba trăm ngìn đồng)* nguyên đơn bà Thạch Thị N phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bằng 300.000 đồng *(Ba trăm ngìn đồng)* bà N đã nộp theo biên lai

thu số 0003095 ngày 02/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 13).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 13;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Long Hiệp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Thị Mỹ Chi